TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HSST
Ngày: 21-5-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội Đg xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị C.
2. Bà V Thị Thu Ngát.

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21-5-2020 tại trụ S Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2020/HSST ngày 10 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 08-5-2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn S, Tên gọi khác: Không có;
Giới tính: N; Sinh năm 1994;
Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang;
Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ: Không có;
Bố: Phan Văn N, sinh năm 1963;
Mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1960;
Vợ, con: Chưa có;
Gia đình có 03 anh, chị em, bị cáo là con thứ 02;
Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 05/01/2020, tạm giam từ ngày 11/01/2020. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Lý Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt).
Địa chỉ: Bản CT, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.
2. Anh Phan Văn N, sinh năm 1990 (có mặt).
Địa chỉ: Bản ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.
3. Anh Nông Văn B, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Bản TM, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản C, xã TT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Lê VA, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Bản TM, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

7. Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

8. Anh Thẩm Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

9. Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Bản T, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Đ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

11. Anh Phan Văn V, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Bản ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

12. Anh Lý Văn D, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Kim S, xã Kim Phượng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

13. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Bản TM, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

14. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn CG, xã ĐL, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

15. Anh Trần Công S, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 81, KT, phường TL, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

16. Anh Nguyễn Đức Công, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 203, tổ 1, phường PD, quận BTL, Thành phố Hà Nội.

* Người làm chứng: Anh Lê Minh T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phố CD, thị trấn CG (nay là thị trấn PX), huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 04/01/2020, tại đường bê tông thuộc bản ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Tổ công tác Công an huyện YT tiến hành kiểm tra đối với Phan Văn S, sinh năm 1994 ở bản ĐA, xã ĐT, huyện YT và Lý Văn T, sinh năm 1993 ở bản CT, xã CN, huyện YT. Thu giữ của Lý Văn T: 01 điện thoại di động Samsung, màn hình cảm ứng, lắp 02 thẻ sim; số tiền 2.000.000 Đg. Thu giữ của Phan Văn S: 01 xe mô tô nhãn hiệu SuZuKi màu S đen, trắng, đỏ gắn biển kiểm soát 59V2-812.79; 01 khối hộp kích thước (19 x 16,5 x 16,5)cm bên ngoài bọc vỏ giấy in hoa văn và chữ Trung Quốc; 02 khối hộp đều có kích thước

(14 x 14 x 14)cm có vỏ ngoài bằng giấy màu xanh; Tổ công tác dùng cân Đg hồ lò so Nhơn Hòa (loại 100kg kẹp chì) tiến hành cân xác định trọng L là 5,2kg (nghi là pháo nổ); 04 vật hình trụ đều có kích thước (16,5 x 5)cm, trên thân gắn dây ngòi màu bạc gồm: 03 vật có vỏ ngoài bằng giấy màu đỏ và 01 vật vỏ ngoài bằng giấy màu vàng, đựng trong 01 túi li lon màu trắng một đầu có rãnh khóa, tổng trọng L là 1,1kg (nghi là pháo nổ); 01 vật hình trụ có kích thước (12 x 2,5)cm bên ngoài bọc vỏ giấy màu đỏ gắn đoạn dây ngòi màu bạc có trọng L là 0,1kg (nghi là pháo nổ); 01 bao tơ rứa bên ngoài có chữ Cargill màu đen; khám thu trong người Phan Văn S số tiền 1.345.000 Đg và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nắp vỏ màu xanh đen có chữ Redmi, bên trong có 02 thẻ sim. Tổ công tác đã niêm phong tại chỗ 03 khối hình hộp (ký hiệu là H1), 05 vật hình trụ (ký hiệu là H2) nghi là pháo nổ nêu trên để trưng cầu giám định, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phan Văn S.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Văn S, thu giữ tại đầu giường trong phòng ngủ của S 19 vật hình trụ (nghi là pháo nổ), lập biên bản niêm phong (ký hiệu H3).

Tại Kết luận giám định số 108/C09-P2 ngày 06/01/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu vật ký hiệu H1 gửi giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị đốt có gây tiếng nổ) có khối L là 5,18kg (*năm phẩy mười tám kilôgam*); Các mẫu vật ký hiệu H2 và H3 gửi giám định đều là pháo pháo nổ. Khối L mẫu H2 là 1,06kg(*một phẩy không sáu kilôgam*), mẫu H3 là 2,14kg (*hai phẩy mười bốn kilôgam*).

Quá trình điều tra, Phan Văn S khai nhận: Do quen biết với Nông Văn B, sinh năm 1996 ở bản TM, xã ĐT, huyện YT nên ngày 25/12/2019, ngày 29/12/2019 và ngày 03/01/2020, S mua của B tổng số 31 bệ pháo dàn loại 36 ống (gồm 13 bệ nhỏ, 18 bệ to) và 30 quả pháo tự chế (gồm 10 quả to, 20 quả nhỏ) với tổng số tiền 15.154.000 Đg. S sử dụng số thuê bao 0836.517.194 để liên lạc với số thuê bao của B là 0846.336.683. S đem pháo về cất giấu trong nhà kho và trong phòng ngủ của S làm thuê tại trang trại lợn tại bản ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang của ông Trần Công S, sinh năm 1973 ở số nhà 81 Khương Thượng, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội. Sau khi mua được pháo, S đã đốt hết 05 bệ pháo dàn (gồm 03 bệ to, 02 bệ nhỏ) và 06 quả pháo tự chế. Ngoài ra S bán được 23 bệ pháo dàn nhưng không nhớ thời gian, địa điểm. S chỉ nhớ đã bán 02 bệ cho người có tên là Anh thường gọi là Anh Chung ở bản Xuân Lung, xã Xuân Lương, huyện YT, bán cho anh L và anh T mỗi người 01 bệ pháo dàn; bán 02 bệ pháo cho anh Điều ở bản Trại Sông, xã CN; bán 02 bệ pháo cho anh V ở bản ĐA, xã ĐT; bán 02 bệ pháo cho anh C ở bản Đ, xã CN; bán 01 bệ pháo cho anh D làm cùng trong trại lợn; bán 01 bệ pháo cho anh K ở bản T, xã CN; bán cho anh Q ở bản T, xã CN, huyện YT 02 bệ pháo, còn 09 bệ pháo S không nhớ đã bán cho những ai.

Ngày 04/01/2020, Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 ở bản C, xã TT, huyện YT gọi điện cho S hỏi mua pháo của S thì S Đg ý bán cho C giá là 600.000 Đg/bệ loại to và 550.000 Đg/bệ loại nhỏ. C hẹn S mang pháo ra khu vực cầu Mỏ Trạng, xã TT, huyện YT để C mua pháo. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, S lên nhà kho trong trại lợn lấy 03 bệ pháo dàn loại 36 ống (01 bệ to, 02 bệ nhỏ) cho vào túi ni lon màu xanh, sau đó cho vào bao tơ rứa buộc miệng bao lại đem để ở phòng ngủ. Sau khi ăn cơm cùng Lý Văn T và Lê VA, sinh năm 1998 ở bản TM, xã ĐT, huyện YT tại lán trại lợn, S xách bao tơ rứa đựng pháo ra để ở gác ba ga xe mô tô biển kiểm soát 59V2-812.79 và lấy ở đầu giường 04 quả pháo tự chế loại to cho vào túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa và lấy 01 quả pháo tự chế loại nhỏ cho vào túi áo khoác bên ngoài S đang mặc. S để túi ni lon đựng 04 quả pháo tự chế loại to lên trên bao tơ rứa đựng pháo trên xe. Mục đích của S là đem 03 bệ pháo dàn đi bán cho C xong đưa T về nhà, số pháo tự chế S mang về nhà, nếu có người hỏi mua thì bán, nếu không bán được thì S để đốt. S điều khiển xe mô tô chở pháo và kèm T ra khỏi trại lợn khoảng 100m, do thấy cồng kềnh nên S cầm túi ni lon đựng 04 quả pháo tự chế ra để phía sau giữa vị trí S và T ngồi. Khi đi đến khu vực đường bê tông thuộc bản ĐA, xã ĐT, huyện YT thì S bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên (bút lục số 236 đến 248).

S khai nếu không bị phát hiện sẽ bán để thu lợi nhuận như sau: Đối với loại pháo dàn 36 ống loại to, S mua vào giá 463.000 Đg/01 bệ, sẽ bán ra với giá 600.000 Đg/01 bệ; pháo dàn 36 ống loại nhỏ, S mua vào giá 440.000 Đg/01 bệ, sẽ bán ra 550.000 Đg/01 bệ; Đối với pháo tự chế loại to, S mua vào giá 50.000 Đg/01 qủa, sẽ bán ra với giá 60.000 Đg/01 quả; pháo tự chế loại nhỏ, S mua vào giá 30.000 Đg/01 quả, sẽ bán ra với giá 40.000 Đg/01 quả. Tuy nhiên, S chưa bán được số pháo trên thì đã bị bắt quả tang.

Ngày 05/01/2020, tại kho trong trại lợn của ông S, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 vỏ bìa cát tông bên ngoài có in chữ Trung Quốc. Ngày 15/01/2020, anh Phan Văn N, sinh năm 1990 ở bản ĐA, xã ĐT, huyện YT là anh trai S giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 399689 mang tên Lê Văn Sinh, địa chỉ số 123/C3 Nguyễn Văn L, phường 17, quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với một số đối tượng liên quan:

Nông Văn B khai có quen biết với S, B có sử dụng số thuê bao 0846.336.683, B không bán pháo cho S như S khai.

Nguyễn Văn C thừa nhận ngày 04/01/2020, C có sử dụng số thuê bao 0986.701.257 để liên lạc hỏi mua pháo của S thì S Đg ý bán. Khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, C gọi điện bảo S đem cho 03 bệ pháo (01 bệ to, 02 bệ nhỏ) loại pháo dàn 36 ống ra khu vực cầu thuộc bản Mỏ Trạng, xã TT cho C. C ra chỗ hẹn nhưng không thấy S đem pháo ra nên đi về, C chưa mua được pháo của S.

Nguyễn Duy Q khai nhận: Cuối tháng 12/2019, biết S có pháo bán nên Q dặn S lấy cho 02 bệ, S Đg ý bán từ 500.000 Đg đến 550.000 Đg/01 bệ. Tuy nhiên từ đó cho đến khi S bị bắt thì Q chưa mua được pháo của S.

Nguyễn Ngọc K khai: Cuối tháng 12/2019, K nghe thông tin S có pháo bán nên gọi điện cho S bảo S bán cho 01 bệ thì S Đg ý báo giá 550.000 Đg/01 bệ. Tuy nhiên từ đó cho đến khi S bị bắt thì K chưa mua được pháo của S.

Thẩm Văn T khai: Cuối tháng 12/2019, T gặp và hỏi S biết chỗ nào có pháo bán không thì S hẹn khi nào có sẽ trả lời. Tuy nhiên từ đó cho đến khi S bị bắt thì T và S chưa nói chuyện lại với nhau, T chưa mua được pháo của S.

Đoàn Văn L khai: Ngày 02/01/2020, L gặp S bảo bán cho L 01 bệ, S Đg ý và báo giá là 650.000 Đg/bệ nhưng từ đó cho đến khi S bị bắt L chưa mua được pháo của S.

Nguyễn Xuân C khai: Cuối tháng 12/2019, C gọi điện thoại hỏi S có pháo không, S nói là có pháo và báo giá là 500.000đ/bệ. Sau đó C mua 02 bệ pháo của S tổng số tiền 1.000.000 Đg, C đã đốt hết.

Phan Văn V khai: Tối ngày 31/12/2019, V gọi điện cho S hỏi mua 02 bệ pháo, S Đg ý, sau đó V đến trại lợn gặp S mua 02 bệ pháo giá 550.000 Đg/bệ đem về đốt hết.

Lý Văn D khai: Chiều ngày 30/12/2019, D đến trại lợn mua của S 01 bệ pháo giá 500.000 Đg, khi mang về nhà D không đốt mà bỏ xuống hố biôga.

Tiến hành xác minh tại xã Xuân Lương, huyện YT nhưng không có ai tên là Anh, tên thường gọi là Anh Chung. Xác minh tại bản Trại Sông, xã CN, huyện YT không có ai tên là Điều như S khai.

Cơ quan điều tra đã đối chất giữa Phan Văn S với Nông Văn B, Thẩm Văn T, Đoàn Văn L, Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Duy Q. Kết quả đối chất: B, T, L, K và Q giữ nguyên lời khai còn S thay đổi lời khai, S cho rằng chỉ hứa hẹn chứ chưa bán pháo cho T, L, K và Q, S không bán pháo cho Chung và Điều.

Cơ quan điều tra đã ra Lệnh thu giữ điện tín. Tại công văn số 474 ngày 10/02/2020 của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội thể hiện: Thời điểm lấy số liệu (ngày 10/02/2020), trên hệ thống không còn lưu nội dung tin nhắn, nội dung cuộc gọi của 02 số điện thoại 0333853259 và 0986701257. Tại công văn số 599 ngày 21/02/2020 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt N thể hiện: Chủ thuê bao số 0836.517.194 là Nguyễn Văn M, sinh năm 1996, địa chỉ bản TM xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; chủ thuê bao số 0846.336.683 là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996, địa chỉ thôn CG xã Đg Lạc, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với chị Q và anh M nhưng chị Q và anh M đều khẳng định chưa bao giờ đăng ký và sử dụng các số thuê bao nêu trên.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-YT ngày 10-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YT truy tố bị cáo Phan Văn S về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đg thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội Đg xét xử tuyên bố: Bị cáo Phan Văn S phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 190; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phan Văn S từ 14 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 05-01-2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S.

* Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 03 hộp bìa cát tông đã dán kín niêm phong và có chữ ký của các thành phần tham gia, 01 bìa cát tông bên ngoài có in chữ Trung Quốc đã được dán kín niêm phong và chữ ký của các thành phần tham gia, 01 bao tơ rứa bên ngoài có in chữ "Cargill" màu đen, 01 túi nilon màu xanh đã cũ. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nắp vỏ màu xanh đen có chữ Redmi, bên trong có gắn hai thẻ sim. Trả lại Phan Văn S số tiền 1.345.000 Đg.

* Về án phí: Bị cáo S thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ S nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội Đg xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện YT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lý Văn T, anh Nguyễn Duy Q, anh Nguyễn Ngọc K, anh Thẩm Văn T, anh Nguyễn Xuân C, anh Trần Công S, anh Nguyễn Đức Công, người làm chứng là anh Lê Minh T vắng mặt, việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội Đg xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thừa nhận: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 04/01/2020, tại đường bê tông thuộc bản ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Tổ công tác Công an huyện YT bắt quả tang Phan Văn S đang có hành vi mang bán 6,24 kg pháo nổ. Khám xét nơi ở của S thu giữ 2,14 kg pháo nổ. Tổng số pháo nổ Phan Văn S mua mục đích bán thu lợi bất chính là 8,38kg (*tám phẩy ba tám kilôgam*).

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hành vi mang bán 8,38 kg pháo nổ nhằm mục đích thu lợi bất chính đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 18/CT-VKS-YT ngày 10-4-2020 và luận tội của của Viện kiểm sát nhân dân huyện YT tại phiên tòa đối với Phan Văn S là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án, Nông Văn B không thừa nhận bán pháo cho Phan Văn S; Nguyễn Văn C; Thẩm Văn T, Đoàn Văn L, Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Duy Q chưa mua được pháo của S nên không có căn cứ xử lý.

Lê VA và Lý Văn T không biết việc Phan Văn S buôn bán pháo. Khi S chở T về nhà, trên đường đi, S cầm túi ni lon đựng 04 quả pháo tự chế ra để phía sau giữa vị trí S và T ngồi nhưng lúc này T đang nghe điện thoại, không biết đó là pháo nổ, T không biết S mang pháo đi bán nên không xử lý.

Ông Trần Công S không biết Phan Văn S để pháo nổ tại trại lợn của mình nên không xem xét xử lý.

Đối với Phan Văn V, Lý Văn D và Nguyễn Xuân C có hành vi mua pháo của S chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; Phan Văn S có hành vi bán pháo nổ thu lợi bất chính 354.000 Đg trước ngày bị bắt. Công an huyện YT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Văn S, Phan Văn V, Lý Văn D và Nguyễn Xuân C là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Suzuki màu S đen, trắng, đỏ gắn biển kiểm soát 59V2-812.79 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện YT đã tách ra để điều tra, xác minh thêm là đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Bị cáo S thuộc đối tượng hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi:

Tội phạm do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Thời gian gần đây, trên địa bàn huyện YT xảy ra rất nhiều vụ tan nạn thương T, gây thiệt hại nặng nề về tính mạng, sức khỏe của người dân xuất phát từ việc sử dụng trái phép pháo nổ. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/2013 đến 07/2014.

[6] Về vật chứng: Đối với 03 hộp bìa cát tông đã dán kín niêm phong, có chữ ký của các thành phần tham gia, 01 bìa cát tông bên ngoài có in chữ Trung Quốc đã được dán kín niêm phong và chữ ký của các thành phần tham gia, là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 bao tơ rứa bên ngoài có in chữ "Cargill" màu đen, 01 túi nilon màu xanh đã cũ là công cụ, phương tiện phạm tội không có gia trị nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nắp vỏ màu xanh đen có chữ Redmi, bên trong có gắn hai thẻ sim là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 1.345.000 Đg là tài sản của S, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo..

[7] Về án phí: Bị cáo S thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự; Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn S phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Phan Văn S 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 05-01-2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Phan Văn S.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 03 hộp bìa cát tông đã dán kín niêm phong và có chữ ký của các thành phần tham gia, bên trong cả 03 hộp bìa cát tông đều chứa pháo nổ được niêm phong bằng giấy niêm phong của cơ quan điều tra và chữ ký của các thành phần tham gia; 01 hộp bìa cát tông bên ngoài có in chữ Trung Quốc (bìa bị rách và đã qua sử dụng) được niêm phong bằng giấy niêm phong của cơ quan điều tra và chữ ký của các thành phần tham gia; 01 bao tơ rứa bên ngoài có in chữ "Cargill" màu đen, 01 túi nilon màu xanh đã cũ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nắp vỏ màu xanh đen có chữ Redmi, số Imei: 8631.130.4433.1426, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có gắn hai thẻ sim.

- Trả lại Phan Văn S số tiền 1.345.000 Đg (Một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn Đg).

4. Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Văn S.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại, người liên quan;
- VKSND huyện YT;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CQĐT, CQTHAHS Công an huyện YT;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang